

KINH ĐẠI TẬP NHỮNG ĐIỀU BỒ-TÁT HƯ KHÔNG TẠNG HỎI PHẬT

QUYỂN 6

Bấy giờ, Bồ-tát Bảo Cát Tường hỏi Bồ-tát Đại Hư Không Tạng:

–Thưa Nhân giả! Đối với đạo xuất thế gian, ông đã đạt được thanh tịnh chăng?

Bồ-tát Hư Không Tạng đáp:

–Thiện nam! Đúng như vậy, tôi đã đạt được thanh tịnh.

Lại hỏi:

–Thế nào là đã được thanh tịnh?

Đáp:

–Do ngã thanh tịnh cho nên đã được thanh tịnh.

Hỏi:

–Thế nào là ngã được thanh tịnh?

Đáp:

–Vì thế gian thanh tịnh, cho nên ngã thanh tịnh.

Hỏi:

–Thế nào là thế gian thanh tịnh?

Đáp:

–Thiện nam! Khoảng trước của sắc thanh tịnh nên không đi, khoảng sau của sắc thanh tịnh nên không đến, khoảng giữa của sắc thanh tịnh nên không trụ. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Khoảng trước của thức thanh tịnh nên không đi, khoảng sau của thức thanh tịnh nên không đến, khoảng giữa của thức thanh tịnh nên không trụ. Thiện nam! Do đấy gọi là thế gian thanh tịnh.

Hỏi:

–Thưa Nhân giả! Thế gian thanh tịnh như vậy thì chỗ hiển bày như thế nào?

Đáp:

–Này thiện nam! Hiển bày là tất cả các pháp thấy đều thanh tịnh.

Hỏi:

– Thế nào là hiển bày tất cả các pháp đều thanh tịnh?

Đáp:

– Do dùng trí tuệ nên nhận biết về từng phần của khoảng trước, khoảng sau nơi tất cả các pháp.

Hỏi:

– Thế nào là từng phần của khoảng trước, khoảng sau nơi tất cả các pháp?

Đáp:

– Vì không đoạn, không thường.

Hỏi:

– Vì sao nói các pháp là không thường, không đoạn.

Đáp:

– Nói không thường, không đoạn là không sinh, không diệt.

Hỏi:

– Nơi các pháp là không sinh, không diệt thì làm sao nêu bày?

Đáp:

– Nói không sinh không diệt là dứt mọi ngôn thuyết.

Hỏi:

– Thế nào là pháp dứt mọi ngôn thuyết?

Đáp:

– Đó là pháp không thuộc về số lượng.

Hỏi:

– Nhân giả! Nếu pháp không thuộc về số lượng thì tại sao lại tùy theo nơi danh số?

Đáp:

– Thiệt nam! Ví như hư không, không tùy theo danh số, chỉ dùng danh số để giả gọi là hư không, như vậy “danh số tức là phi danh số”.

Hỏi:

– Thế nào là môn danh số, phi danh số?

Đáp:

– Môn số là nói về các pháp hữu vi. Môn phi số là nói về các pháp vô vi. Lại, pháp số và pháp phi số đều là vô vi, cho nên Đức Phật dạy phải dùng trí tuệ, xa lìa tất cả các pháp thuộc về số lượng, tính lượng. Nơi số lượng của hữu vi thì dùng thức để quan sát, suy xét

đúng như lý. Khi ấy, chẳng còn thấy pháp này nên đoạn hay không nên đoạn, pháp này nên chứng hay không nên chứng, pháp này nên tu hay không nên tu, chẳng thấy các pháp cũng chẳng thấy có hạn lượng. Nếu không nhận thấy không lường xét thì lúc đó tức đạt được không còn chấp trước và dứt mọi mong cầu. Nếu không có mong cầu thì không còn đối tượng được duyên, không còn đối tượng được duyên tức đạt được vô ngã, nếu đạt được vô ngã thì dứt hết mọi chấp, vương.

Hỏi:

–Thế nào là không còn đối tượng để vương chấp?

Đáp:

–Chẳng chấp sắc là thường là vô thường, chẳng chấp thọ, tưởng, hành, thức là thường là vô thường. Chẳng chấp sắc là khổ hay là vui, chẳng chấp thọ, tưởng, hành, thức là khổ hay là vui, chẳng chấp thọ, tưởng, hành, thức là khổ hay là vui. Chẳng chấp sắc là ngã, là vô ngã, cho đến chẳng chấp thức là ngã là vô ngã. Không chấp sắc là tịnh là chẳng tịnh, cho đến chẳng chấp thức là tịnh là chẳng tịnh, không chấp sắc là không là chẳng không, cho đến chẳng chấp thức là không là chẳng không, tức đạt được pháp Tam-muội không còn chấp, đạt được định này rồi thì thường khởi tâm đại Bi, hóa độ các chúng sinh, không còn thấy lưu chuyển nơi sinh tử, phiền não. Vì sao? Vì tánh của sinh tử và Niết-bàn là không sai khác, ở nơi các hữu tình hiện thấy có Niết-bàn. Cũng nhận biết tự thân xưa nay là Niết-bàn, đó gọi là Bồ-tát hành Bát-niết-bàn.

Hỏi:

–Thiện nam! Thế nào là Bồ-tát hành Bát-niết-bàn?

Đáp:

–Bát-niết-bàn gọi là không có hành quán, hồi hướng đến Nhất thiết trí. Đối với Nhất thiết trí, không mong cầu đạt sắc, không mong cầu đạt thọ, tưởng, hành, thức. Do tâm không mong cầu nên trụ nơi giới thanh tịnh, bản nguyện được đầy đủ, ở nơi tất cả các pháp không còn thấy tăng giảm, đạt được bình đẳng, an trụ nơi pháp giới, nhờ trụ nơi pháp giới nên thực hành hạnh Bồ-tát, cũng không có pháp để hành, để làm. Nay thiện nam! Đó là Bồ-tát hành Bát-niết-bàn.

Hỏi:

–Thế nào là quan sát về Niết-bàn có hành và không hành?

Đáp:

–Này thiện nam! Bồ-tát tác ý quan sát về Niết-bàn gọi là có

hành, nên chứng đắc vô hành, do vô hành nên gọi là Niết-bàn. Lại, Bồ-tát đối với mọi ngôn thuyết, giảng nói đều không phân biệt, gọi là Niết-bàn. Lại nữa, Niết-bàn gọi là bờ bên kia. Bờ bên kia không có các tướng, đối với các tướng ấy tâm không còn chấp giữ, nên gọi là Niết-bàn. Lại nữa, bờ bên kia gọi là không phân biệt, đối với bờ bên kia không khởi tâm phân biệt, nên gọi là Niết-bàn. Lại nữa, bờ bên kia không có chứa nhóm, đối với bờ bên kia không khởi tâm chứa nhóm, nên gọi là Niết-bàn. Này thiện nam! Hành như thế thì gọi là Bồ-tát hành Bát-niết-bàn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn khen ngợi Bồ-tát Hư Không Tạng:

–Lành thay, lành thay! Chánh sĩ đã khéo giảng nói về pháp này, khéo hợp với nẻo hành Bát-niết-bàn của Bồ-tát.

Lúc thuyết giảng pháp này, ở trong chúng hội có năm trăm Bồ-tát đạt được pháp Nhẫn vô sinh.

Khi ấy, Bồ-tát Đại Hư Không Tạng bạch Phật:

–Kính bạch Thế Tôn! Do ánh sáng trí tuệ của Như Lai đã chiếu sáng cho chúng con, nên đạt được điều này, chẳng phải là khả năng của con. Ví như ánh sáng mặt trời soi chiếu mọi hình tượng, màu sắc hiện có nơi cõi Diêm-phù-đề, uy lực từ ánh sáng trí tuệ của Đức Thế Tôn Đại Điều Ngự cũng như vậy, có thể làm cho chúng con hiểu rõ về các pháp.

Bấy giờ, Bồ-tát Bảo Cát Tường nói với Bồ-tát Hư Không Tạng:

–Thiện nam! Vì sao Nhân giả lại che giấu trí của mình, mà cho tất cả đều là sự hộ trì của Như Lai?

Bồ-tát Hư Không Tạng nói:

–Mọi biện tài mà tất cả Bồ-tát đạt được đều từ sự gia hộ của Như Lai, chẳng phải chỉ riêng mình có. Thiện nam! Nếu Như Lai không thuyết giảng các pháp thì Bồ-tát do đâu mà đạt được biện tài.

Bồ-tát Bảo Cát Tường nói:

–Nếu nhân nơi Như Lai mà sinh ra biện tài của Bồ-tát thì nên biết mọi biện tài của Phật có thể đời đời chẳng?

Bồ-tát Hư Không Tạng đáp:

–Biện tài của Như Lai không có đời đời, chỉ làm nhân duyên cho Bồ-tát. Do nhân nơi các pháp của Như Lai đã thuyết giảng nên sinh ra biện tài của Bồ-tát. Ví như vô minh không chuyển đến hành, chỉ vì hành nhân nơi vô minh mà sinh khởi. Như vậy biện tài của Phật không

di chuyển, chỉ là làm nhân để phát sinh ra biện tài của Bồ-tát. Lại nữa, như âm thanh của voi, ngựa, người không chuyển đến nơi hang sâu, nhưng các âm thanh ấy, nhờ nơi hang sâu mà phát ra tiếng vang, những âm thanh ấy chỉ làm nhân cho tiếng vang trong hang, biện tài của Phật cũng vậy, không có di chuyển, chỉ tạo nhân cho biện tài của Bồ-tát.

Hỏi:

–Như Lai thường thuyết giảng về pháp duyên sinh sâu xa, lại giảng về các pháp không có nơi chốn sinh. Nay thiện nam! Lẽ nào không có duyên sinh mà có các pháp chẳng?

Đáp:

–Nếu nhân duyên có tạo tác thì pháp có sinh, pháp của nhân duyên không tạo tác nên nói là các pháp không sinh.

Hỏi:

–Như Lai xuất hiện ở đời, lẽ nào chẳng phải là sinh chẳng?

Đáp:

–Nếu cho chân như có sinh thì có thể nói Như Lai có sinh. Nếu cho chân như không sinh thì không nên nêu vấn nạn Như Lai xuất hiện ở đời là có sinh. Cho nên không sinh gọi là Như Lai. Như Lai là đối với tất cả pháp đều đạt giác ngộ, nên gọi là Như Lai. Thiện nam! Chư vị vì sao lại nói Như Lai là có sinh? Ở đây nên theo như trên mà giải đáp.

Hỏi:

–Thế nào gọi là giải đáp như vậy?

Đáp:

–Đó gọi là trụ nơi pháp tánh, nên gọi là đạt được như vậy.

Hỏi:

–Pháp tánh làm thế nào để trụ?

Đáp:

–Trụ nơi không sinh không diệt, chẳng trụ chẳng phải là chẳng trụ, đó gọi là trụ nơi pháp tánh. Trụ nơi pháp tánh là không chốn trụ, tất cả các pháp cũng đều như vậy, trụ nơi không chốn trụ. Như Lai cũng vậy, trụ nơi không chốn trụ. Chẳng sinh, chẳng diệt, chẳng phải trụ chẳng phải không trụ, như thế, chẳng phải trụ chẳng phải không trụ, gọi là chốn trụ của Như Lai. Nay thiện nam! Nói Như Lai sinh là chấp một bên, nói Như Lai không sinh là chấp một bên, xa lìa chấp nhị biên gọi là trung đạo. Thiện nam! Quán về Như Lai nên quán như vậy, nếu quán khác thì chẳng phải là quán chân chánh.

Bồ-tát Bảo Cát Tường nói:

–Diệu nghĩa của Như Lai sinh hết sức sâu xa như vậy, là trụ nơi không chốn trụ, chẳng sinh chẳng diệt.

Bồ-tát Hư Không Tạng nói:

–Này thiện nam! Nếu hiểu rõ về diệu nghĩa của Như Lai sinh này thì không sinh tăng thượng.

Hỏi:

–Thiện nam! Thế nào là tăng thượng?

Đáp:

–Tăng thượng đó là câu tăng trưởng, nghĩa là ở nơi chỗ không có khoảng giữa, vọng sinh có tăng thêm, vì pháp vốn không tăng trưởng. Nếu có thể ở nơi các pháp chẳng sinh tâm niệm tăng trưởng, gọi là câu bình đẳng, câu vô đẳng, câu không, câu không có câu, câu không có văn tự, câu không phân biệt. Đối với các việc ấy không có nẻo hành của tâm ý thức, là câu không có chốn hành. Câu không có chốn hành ví như nơi hư không thật sự không có dấu chân chim, chỉ giả dùng âm thanh, lời nói (ngôn ngữ) để nói về dấu chân chim. Như vậy Như Lai thật sự không có sinh, chỉ giả dùng ngôn thuyết để nói Như Lai xuất hiện ở đời. Bậc trí tuệ mới có thể hiểu rõ về diệu nghĩa của câu không sinh. Vì sao? Vì diệu nghĩa của câu không sinh này là tự tánh của các pháp. Gọi là không sinh, mà tính chất không sinh ấy cũng không có tự tánh, vì không có tự tánh nên không có chốn trụ. Vì cội của không nơi chốn trụ là cội của tất cả các pháp. An trụ nơi cội của tất cả các pháp gọi là cội thực, cũng là cội của biên vực, hiện bày khắp mọi nơi. Do chứng đạt được thật tế của hết thảy các pháp bình đẳng như hư không, không có giới hạn thì thật tế của pháp ấy cũng không có giới hạn, nếu có giới hạn thì không thể gọi là thật tế của tất cả các pháp. Thật tế của hết thảy các pháp bình đẳng như vậy thì gọi là thật tế của ngã. Biết thật tế của ngã thì nhận biết thật tế của tất cả chúng sinh. Nếu nhận biết thật tế của tất cả chúng sinh tức nhận biết thật tế của tất cả các pháp. Thật tế ấy là thật tế của ngã, là thật tế của hết thảy chúng sinh, là thật tế của tất cả các pháp gọi là tận tế. Tận tế nghĩa là Niết-bàn, chứng được lý này gọi là chứng đắc Niết-bàn. Lại nữa, tất cả các pháp là không có đối đãi, là tướng đối trị, ví như hư không, không có chủ thể đối trị, như thế các pháp cũng không có đối trị. Nếu cho có Niết-bàn để có thể hội nhập, có thể cầu đạt, tức là sinh kiến chấp về diệt, cho pháp này nên sinh, pháp này nên diệt

thì người ấy thực hành theo nẻo sinh diệt, không nhận biết về Niết-bàn bình đẳng một tánh. Vì không nhận biết nên chấp trước, nơi các pháp vọng sinh tranh luận. Như Đức Thế Tôn đã giảng nói: Nếu như biết lãnh thọ lời dạy của Như Lai thì nên biết những vị ấy đã đạt đầy đủ các công đức tối thắng của hàng Sa-môn.

Lúc đó, Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Kỳ lạ thay! Bạch Thế Tôn! Biện tài vô ngại của Bồ-tát Đại Hư Không Tạng mới có thể tự thân chứng biết được như vậy, mới có thể làm, có thể thuyết giảng như thế.

Bấy giờ, Bồ-tát Đại Hư Không Tạng nói với Tôn giả A-nan:

–Đại đức không nên nói do tôi tự chứng được. Vì sao? Vì thân tôi là hư không, vì thân hư không nên biết tất cả pháp đều là hư không. Thế sao Tôn giả bảo là do tôi tự chứng được?

Tôn giả A-nan nói:

–Nếu thân là không thì Nhân giả lấy thân gì để làm Phật sự?

Đáp:

–Dùng Pháp thân, vì Pháp thân không có biến chuyển, dời đổi, với uẩn, xứ, giới đều cũng chẳng sinh, chẳng diệt, chẳng phải thân điên đảo, mà đạt được sự ứng hiện tùy ý, nên từ nơi thân đó mà làm Phật sự.

Hỏi:

–Đại sĩ! Ông đã chứng Pháp thân rồi chăng?

Đáp:

–Đại đức! Như tôi đã giải thích, lìa pháp thì không thân, thân tôi tức là pháp, pháp tức là thân tôi, hoặc pháp hoặc thân không có hai tướng, cho nên nói là thân chứng.

Hỏi:

–Đại sĩ! Nếu thân chứng thì ông đã chứng đắc A-la-hán chăng?

Đáp:

–Không có chỗ chứng đắc mà chứng đắc. Vì sao? Vì A-la-hán là khéo có thể thông đạt về pháp không tranh luận, không nhiễm, không sân giận, cũng không si mê.

Hỏi:

–Nếu như vậy thì ông đã hoàn toàn đạt được Niết-bàn chăng?

Đáp:

–Đại đức! A-la-hán là chẳng Bát-niết-bàn. Vì sao? Vì biết tất cả các pháp hoàn toàn là Niết-bàn, đoạn trừ tướng chấp về Niết-bàn, chỉ

vì các hàng phàm phu tạo ra sự phân biệt nói ta đã Niết-bàn, cho đến phân biệt cho là có vô số Niết-bàn sai khác.

Hỏi:

–Đại sĩ! Như lời ông nói, Bồ-tát chẳng phải là A-la-hán, chẳng phải là phàm phu, chẳng phải là bậc Hữu học và Vô học, chẳng phải là Bích-chi-phật, chẳng phải là Bồ-tát, chẳng phải là Như Lai?

Đáp:

–Lành thay, lành thay! Thưa Đại đức A-nan-đà. Vì chẳng phải là A-la-hán, chẳng phải là phàm phu, chẳng phải là bậc Hữu học và Vô học, chẳng phải là Bích-chi-phật, chẳng phải là Bồ-tát, chẳng phải là Như Lai, nên Bồ-tát đối với các nơi chốn đều có thể thị hiện, cũng không trụ nơi tất cả quả vị.

Khi thuyết giảng pháp này, trong chúng hội có năm trăm vị A-la-hán, hết thấy đều cõi tấm y mặc trên người dâng lên cúng dường Bồ-tát Hư Không Tạng, rồi thưa:

–Nguyện cho tất cả chúng sinh đều đạt được biện tài như Bồ-tát Hư Không Tạng.

Khi ấy, Bồ-tát Hư Không Tạng nhờ diệu lực hộ trì của Đức Như Lai nên khiến cho các pháp y đẹp đẽ vừa được cúng dường đều ẩn vào hư không, không hiện bày.

Chư vị A-la-hán, Tỳ-kheo hỏi Bồ-tát Hư Không Tạng:

–Đại sĩ! Các y như vậy đã trụ vào nơi nào?

Bồ-tát Hư Không Tạng đáp:

–Đã nhập vào kho tàng hư không của tôi.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vui vẻ mỉm cười. Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà Đức Thế Tôn mỉm cười? Như Lai mỉm cười chẳng phải là không có nguyên do, xin nguyện nói rõ cho chúng con.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Những vị Tỳ-kheo dâng cúng y cho Bồ-tát Hư Không Tạng, được Bồ-tát dùng diệu lực của thần thông làm cho những y đó nhập hết vào trong kho tàng hư không, đi đến thế giới Ca-sa tràng của Đức Như Lai Sơn Vương mà làm Phật sự. Âm thanh thuyết giảng của Bồ-tát Hư Không Tạng ở nơi thế giới ấy đều phát ra từ Ca-sa, vô lượng Bồ-tát nghe pháp này rồi, đều được pháp Nhẫn vô sinh. A-nan nên biết! Trí thần thông thù thắng của Bồ-tát dùng vô lượng âm thanh, ngôn từ như

thế mà thành tựu cho chúng sinh, do nhân duyên đó nên ta mỉm cười.

Lúc giảng nói pháp này thì bỗng nhiên ở giữa hư không, mưa xuống vô lượng hoa nhật nguyệt quang, đều như màu sắc của lửa đỏ rực rỡ, từ xưa chưa từng thấy, trong những hoa ấy phát ra âm thanh nói: Nếu người nào được nghe lời thuyết giảng của Bồ-tát Hư Không Tạng về pháp ấy bất thoái, sinh sự tin hiểu thì chắc chắn những vị ấy sẽ hưởng đến đạo tràng Bồ-đề.

Tôn giả A-nan thưa Phật:

–Kính bạch Thế Tôn! Những hoa như vậy đã từ nơi chốn nào đến?

Phật bảo A-nan:

–Có một Phạm vương tên là Quang Trang Nghiêm làm chủ trăm ngàn thế giới. Vị Phạm vương ấy vì để cúng dường Bồ-tát Hư Không Tạng nên đã mưa xuống những hoa như vậy.

Tôn giả A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con xin được thấy vị Phạm vương ấy.

Phật bảo:

–Hãy đợi giây lát, các ông sẽ thấy.

Lúc đó, Phạm vương Quang Trang Nghiêm, cùng với Phạm chúng sáu mươi vạn tám ngàn người vây quanh trước sau, liền ẩn mất ở cõi trời kia mà hiện đến trước chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, nhiễu quanh bên phải ba vòng, lui ra ngồi một bên, chắp tay hướng về Phật, thưa:

–Thế Tôn! Thật là kỳ lạ! Bồ-tát Hư Không Tạng ấy là không thể nghĩ bàn, đầy đủ oai đức về tịnh giới, oai đức về thiền định, oai đức về thần thông, oai đức về trí tuệ, oai đức về các nguyện được như ý, oai đức về phương tiện thiện xảo, oai đức về ý lạc tăng thượng, oai đức về Pháp thân tự tại, oai đức về thân, khẩu, ý trang nghiêm, oai đức tự tại đối với tất cả pháp.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát Hư Không Tạng đó, đều chẳng từ nơi nghiệp của thân, khẩu, ý mà phát ra, thị hiện các việc biến hóa, nhưng chính là do diệu lực tu tập từ xa xưa chưa nhóm các căn lành, đầy đủ diệu hạnh sâu xa của chư Phật, mới có thể gầm lên tiếng gầm của sư tử.

Đức Phật nói:

–Đúng thế, đúng thế! Phạm vương, như lời ông nói, sự hành hóa của Bồ-tát đều do từ xa xưa đã tích tập diệu lực nơi căn lành phước trí làm hành trang mà ở nơi đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thể không thoái chuyển nên có thể thị hiện các việc thần thông biến

hóa như vậy.

Bấy giờ, Phạm vương Quang Trang Nghiêm thưa Phật:

–Kính bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là căn lành của Bồ-tát? Thế nào là phước, là trí?

Đức Phật bảo Phạm vương:

–Căn lành, đó là các chúng sinh ban đầu phát tâm cầu đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Phước ấy nghĩa là khi phát tâm rồi, đối với tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác, vì các chúng sinh mà tu tập các pháp bố thí, trì giới, lại cùng tu tập để thành tựu tất cả các phước nghiệp. Trí ấy nghĩa là đem tất cả căn lành đã tích tập hồi hướng đến Nhất thiết trí.

Lại nữa, căn lành ấy là ý lạc thanh tịnh, không kiêu mạn. Phước ấy là chứa nhóm làm tăng thêm tất cả phước. Trí ấy là ý lạc tăng thêm đều thù thắng.

Lại nữa, căn lành ấy là đối với các pháp thiện ý nguyện luôn được bền chắc. Phước ấy là hành trang của điều thiện được tích tập không hề chán đủ. Trí ấy là quán các căn lành hiện có đều như huyễn.

Lại nữa, căn lành ấy nghĩa là có được bạn tốt. Phước ấy là không bỏ bạn tốt. Trí ấy là luôn thăm hỏi bạn tốt.

Lại nữa, căn lành ấy là ưa thích cầu đạt pháp Phật. Phước ấy là nghe pháp không quên. Trí ấy là vui vẻ đối với pháp lạc.

Lại nữa, căn lành ấy là thường cầu pháp Phật. Phước ấy là thuyết pháp không mong cầu. Trí ấy là đối với giáo pháp không hề tiếc lẫn.

Lại nữa, căn lành ấy là thường ưa nghe pháp, phước ấy là quan sát đúng như lý, trí ấy là tu hành đúng như pháp.

Lại nữa, căn lành ấy là thường ưa thấy Phật, phước ấy là luôn cúng dường Phật, trí ấy là thuận theo lời Phật dạy.

Lại nữa, căn lành ấy là được xuất gia, phước là tu tập theo hạnh của dòng Thánh, trí là ưa thích ở chỗ vắng lặng.

Lại nữa, căn lành ấy là khéo có thể tu tập ít ham muốn biết đủ, phước là đối với các y phục, thức ăn, đồ dùng không tham muốn, trí là đối với tất cả vật thọ dụng luôn an nhiên không nhiễm đắm.

Lại nữa, căn lành là tu quán niệm xứ, phước là đầy đủ bốn Chánh căn, trí là đạt được bốn Như ý túc.

Lại nữa, căn lành ấy là nhập vào tín căn, phước là tu về tấn căn và niệm căn, trí là quán về định căn và tuệ căn.

Lại nữa, căn lành là trụ vào năm lực, phước là tùy thuận nơi bảy Giác chi, trí là nhập vào trí của tám Thánh đạo.

Lại nữa, căn lành ấy là tâm an trụ vào diệu lý, phước là cầu đạt hành trang của thiền định, trí là đạt được pháp quán thiện xảo.

Lại nữa, căn lành ấy là việc bố thí đã thành tựu phước nghiệp, phước là sự trì giới đã thành tựu phước nghiệp, trí là tu hành đã thành tựu phước nghiệp.

Lại nữa, căn lành ấy gọi là giới học tăng thượng, phước là tâm học tăng thượng, trí là tuệ học tăng thượng.

Lại nữa, căn lành là ăn năn về những lỗi lầm, phước là tùy hỷ các điều thiện, trí là khuyến thỉnh chư Phật.

Lại nữa, căn lành ấy là xả bỏ những gì đã có, phước là không mong cầu báo đáp, trí là hồi hướng đến Bồ-đề.

Lại nữa, căn lành ấy là mong cầu giới căn bản, phước là trì giới đầy đủ không khiếm khuyết, trí là trì giới để hồi hướng.

Lại nữa, căn lành ấy là đối với chúng sinh không làm tổn hại, phước ấy là đã nghe lời nói xấu ác đều có thể nhẫn chịu, trí là xả bỏ thân mạng để giáo hóa cho chúng sinh.

Lại nữa, căn lành là siêng cầu pháp lành không nhằm chán, phước là đem căn lành đã có hồi hướng cho chúng sinh, trí là căn lành đã tích tập, hồi hướng đến Bồ-đề.

Lại nữa, căn lành là có thể tu tập các thiền chi, phước là đạt được các căn lành của thiền định, trí là từ các thiền định hiện sinh ở cõi Dục.

Lại nữa, căn lành là tuệ lực nơi kiến thức rộng, phước là quán về chỗ đã nghe, trí là tuệ được viên mãn.

Lại nữa, căn lành là xem chúng sinh một cách bình đẳng, phước là chứng được định từ, trí là tâm Từ bình đẳng giống như hư không.

Lại nữa, căn lành là hành trang tu tập ba Địa, phước là hành trang tu tập bốn Địa, trí là hành trang để viên mãn cho tám, chín, mười Địa.

Lại nữa, căn lành ấy là Bồ-tát mới phát tâm, phước là Bồ-tát an trụ nơi các hạnh, trí là Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, căn lành là hạnh bình đẳng, phước là sự trang nghiêm của tướng tốt, trí là tướng vô kiến đánh.

Lại nữa, căn lành là trang nghiêm cõi Phật, phước là tâm luôn nghĩ đến việc cứu giúp, trí là làm lợi ích cho chúng sinh.

Lại nữa, căn lành là nghe giảng nói về nghiệp ma, phước là hiểu rõ về nghiệp ma, trí là có thể vượt khỏi nghiệp ma.

Lại nữa, căn lành là đầy đủ đại Bi, phước là phương tiện thiện xảo, trí là tu tập Bát-nhã.

Lại nữa, căn lành là trang nghiêm đạo tràng giác ngộ, phước là khéo có thể hàng phục các ma, trí là trong một sát-na tương ứng với tuệ, thành tựu Chánh giác.

Này Phạm vương! Như vậy gọi là căn lành, phước và trí.

Bấy giờ, Phạm vương Quang Trang Nghiêm bạch Phật:

–Kính bạch Thế Tôn! Kỳ lạ thay, có thể dùng ý nghĩa của ba câu để nói về các pháp.

Lúc ấy, Bồ-tát Hư Không Tạng bảo Phạm vương Quang Trang Nghiêm:

–Phạm vương! Chỉ có một câu mà có thể tóm thâu tất cả các pháp. Thế nào là một? Nghĩa là câu tánh không. Vì sao? Vì do các pháp đồng với tánh không, đó gọi là một câu. Lại nữa, có một câu thâu tóm các pháp, đó là câu vô tướng, câu vô nguyện, đều thâu tóm các pháp. Như vậy, nói rộng ra cho đến câu vô hành, câu lìa dục, câu tịch tĩnh, câu không có A-lại-da, câu pháp giới, câu chân như, câu thật tế, câu không sinh, câu không khởi, câu Niết-bàn, đều thâu tóm tất cả các pháp cũng như vậy.

Lại nữa, này Phạm vương! Dục là câu lìa dục, vì tánh của lìa dục tức là dục, nên tất cả pháp Phật cũng đồng với tánh ấy. Sân là câu lìa sân, vì tánh của lìa sân tức là sân, tất cả pháp Phật cũng đồng với tánh ấy. Si là câu lìa si, vì tánh của lìa si tức là si, tất cả pháp Phật cũng đồng với tánh ấy. Cho đến thân kiến là câu không thân kiến, vì tánh của không thân kiến tức là thân kiến, tất cả pháp Phật cũng đồng với tánh ấy. Sắc là câu vô sắc, vì tánh của vô sắc tức là sắc, tất cả pháp Phật cũng đồng với tánh ấy. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Thức là câu vô thức, vì tánh của sự không phân biệt tức là thức, tất cả pháp Phật cũng đồng với tánh ấy. Nói rộng ra cho đến xứ, giới, mười hai duyên sinh cũng như vậy. Vô minh tức là câu minh, vì tánh của minh tức là vô minh, tất cả pháp Phật cũng đồng với tánh ấy. Cho đến sinh là câu bất sinh, vì tánh của không sinh tức là sinh, tất cả pháp Phật cũng đồng với tánh ấy. Tất cả câu pháp là câu vô pháp, vì tánh của vô pháp là pháp của chư Phật, tất cả pháp Phật cũng đồng với tánh ấy.

Này Phạm vương! Đó là một câu thâu tóm tất cả các pháp. Nếu Bồ-tát hội nhập nơi pháp môn này thì ở nơi một câu hội nhập vào tất cả

pháp Phật. Phạm vương! Ví như biển cả, thấm nạp các dòng nước, đó là một câu thấm tất cả các pháp cũng như vậy. Ví như hư không có thể bao trùm vạn vật, mỗi mỗi câu ấy đều thấm tất cả các pháp cũng vậy. Cho nên câu này chuyển biến đến vô tận vô lượng. Ví như nhà toán số dùng thẻ đếm phân ra từng phần, trong từng phần ấy không có thẻ đếm, trong thẻ đếm không có từng phần, mà có thể lần lượt đếm thành vô lượng số. Như thế, một câu thành vô lượng câu cũng như vậy.

Phạm vương! Trăm ngàn kiếp như thế nêu bày chỗ so sánh về pháp của Phật, hoặc thân hoặc tâm đều không có chỗ thủ đắc, cũng không thể dùng số lượng để nhận biết. Vì sao? Vì tất cả pháp đều là pháp Phật. Pháp Phật ấy tức chẳng phải pháp. Vì sao? Vì do tướng phân biệt, do tướng mà phân biệt khắp nên giả nói như vậy. Đối với vô tướng cũng chẳng phải là vô tướng, đối với vô pháp cũng chẳng phải là vô pháp, hoàn toàn không có tướng. Tướng ấy thanh tịnh, xa lìa tự tướng, giống như hư không, đồng một tự tánh. Pháp Phật cũng vậy, tánh tướng đều không.

Khi Bồ-tát Hư Không Tạng giảng nói pháp này thì trong Phạm chúng ấy có hai vạn hai ngàn Phạm thiên đều phát tâm cầu đạo quả Bồ-đề Vô thượng Chánh đẳng giác. Lại nữa, có năm ngàn Phạm vương do căn lành đã gieo trồng từ đời trước nên chứng được pháp Nhẫn vô sinh.

